TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/DS-ST
Ngày: 16/11/2017
V/v: *"Đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Lệ Hồng
Ông Lê Văn Nhàn
Thư ký ghi biên bản: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án.

Ngày **16** tháng **11** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc "*Đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐXX-DS ngày 20 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2017/QĐST-DS ngày 03/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh: 1947.
Trú tại: ấp TL, xã T A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh: 1976
Trú tại: Khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông **Trần Văn D**, sinh: 1976; Bà **Nguyễn Thị T**, sinh: 1975.
Cùng trú tại: ấp TL, xã T A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
(Anh Phong, anh D có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Ngày 29/6/2010 bà Nguyễn Thị T1 có cho vợ chồng ông D bà T mượn số tiền 70.000.000 đồng, ông D bà T thế chấp cho bà T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng ông D bà T đứng tên thuộc thửa 876 tờ 3 diện tích 1.000m^2 tọa lạc tại ấp TL, xã T A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông D bà T cam kết trong thời gian 08 tháng nếu không trả lại số tiền trên thì lập thủ tục chuyển quyền cho bà T1 đứng tên, sử dụng thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, từ ngày nhận tiền và hết thời hạn 08 tháng ông D bà T không trả tiền cũng không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho bà T1 như thỏa thuận. Do đó, bà T1 yêu cầu ông Trần Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị T liên đới nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 70.000.000 đồng mà bà cho

mượn ngày 29/6/2010 và không yêu cầu tính tiền lãi. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T1 đang giữ và trả lại khi ông D bà T trả bà T1 đủ số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý bớt 10.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 60.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy thỏa thuận ghi ngày 29/6/2010 do ông D, bà T ký.

Theo bản khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Trần Văn D trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông có cầm cho bà Nguyễn Thị T1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 876 tờ 3 diện tích 1.000m^2 tọa lạc tại ấp TL, xã T A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để mượn số tiền 70.000.000 đồng thời hạn một năm nếu không chuộc lại thì làm thủ tục chuyển quyền cho bà T1 đứng tên, sử dụng thửa đất nêu trên, có làm giấy thỏa thuận. Ông lấy số tiền 70.000.000 đồng để trả nợ cho 03 người là ông L 10.000.000 đồng, chị H 20.000.000 đồng và bà Đoàn Thị Sáu N (Tư O) 40.000.000 đồng. Bà T1 không có đưa tiền cho ông mà dẫn ông đi trả nợ, đã trả L 10.000.000 đồng, trả H 20.000.000 đồng. Bà Sáu N (Tư O) không nhận vì ông còn thiếu số tiền lãi 4.650.000 đồng nên bà T1 giữ lại 40.000.000 đồng. Năm 2016 bà T1 thưa ông và bà T1 thừa nhận có nhận lại 40.000.000 đồng nhưng về nhà nói cho ông mượn lại, Ông thừa nhận chỉ thiếu bà T1 30.000.000 đồng nếu bà T1 đồng ý nhận lại 30.000.000 đồng thì ông đồng ý trả thêm 15.000.000 đồng tiền lãi tính từ thời gian mượn tiền cho đến nay. Tại phiên tòa, ông đồng ý trả số tiền cho bà T1 là 60.000.00 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền là 70.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi. Do đó, xét đây là vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cũng như thông báo về phiên hòa giải cho bà Nguyễn Thị T đến để tiến hành hòa giải nhưng bà T vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải có mặt bà T. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T đến để tham gia phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

Về nội dung:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn D cùng vợ là bà Nguyễn Thị T cùng liên đới nghĩa vụ trả số tiền cho bà Nguyễn Thị T1 là 60.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Phía bị đơn ông Trần Văn D cũng thừa nhận có làm giấy thỏa thuận mượn số tiền 70.000.000 đồng và thế chấp bằng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại phiên tòa ông D cũng đồng ý theo sự thỏa thuận đối với đại diện nguyên đơn, đồng ý trả cho bà T1 60.000.000 đồng. Lời trình bày này của bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với trách nhiệm liên đới nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị T, do bà T vắng mặt nên không có ý kiến, trình bày.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với giấy thỏa thuận ghi ngày 29/6/2010 thể hiện phía bị đơn ông Trần Văn D cùng vợ là bà Nguyễn Thị T có mượn của bà Nguyễn Thị T1 số tiền 70.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng và cam kết trong thời hạn 08 tháng sẽ hoàn trả kể từ ngày làm giấy. Ngoài giấy thỏa thuận nêu trên các bên không còn tài liệu chứng cứ gì khác.

Bà T và ông D là vợ chồng cùng làm giấy thỏa thuận với bà T1 để mượn tiền trả nợ, trang trải cuộc sống gia đình nên phải cùng có nghĩa vụ liên đới với ông D trả số tiền nêu trên cho bà T1 là có cơ sở.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T liên đới nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 60.000.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng bị đơn liên đới có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 351Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng các điều 26, 35, 147, 207, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T liên đới nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 đối với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T liên đới nghĩa vụ trả số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 (Ba triệu) đồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T cùng liên đới nghĩa vụ nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền tạm ứng án phí là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số: 0007884 ngày 12 tháng 6 năm 2017.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm, Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam.*
- *TAND tỉnh Bến Tre.*
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí